

Phụ lục
KẾT QUẢ CẬP NHẬT, ĐỒNG BỘ VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCVC ngày tháng năm 2025 của Sở Nội vụ)

Lưu ý: Số liệu tính đến ngày 24 tháng 12 năm 2025.

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thống kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã nghỉ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐẠT TỶ LỆ ĐỒNG BỘ TỪ 90% TRỞ LÊN										
1	Phường Xuân Hòa	759	759	0	0	11	0	0	748	759	100
2	Xã Bình Chánh	715	715	0	1	6	0	1	707	715	100
3	Phường Tân Định	518	494	24	0	0	0	0	494	518	100
4	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	274	274	0	0	0	0	0	274	274	100
5	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật	198	198	0	198	0	0	0	0	198	100
6	Xã Phước Thành	192	192	0	0	4	0	0	188	192	100
7	Trường Cao đẳng Kinh tế TPHCM	190	190	0	0	0	0	0	190	190	100
8	Ban Quản lý đường Sắt đô thị	167	165	2	13	6	0	0	146	167	100
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	129	129	0	1	3	0	0	125	129	100
10	Phường Đông Hòa	77	77	0	1	2	0	0	74	77	100
11	Trường cao đẳng y tế tỉnh Bình Dương - TPHCM	69	69	0	2	14	0	0	53	69	100
12	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật	64	64	0	0	0	0	0	64	64	100
13	Ban Quản lý Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc	60	60	0	11	0	0	0	49	60	100
14	Trường Cao đẳng Thủ Thiên - Thành phố Hồ Chí Minh	43	43	0	0	0	0	0	43	43	100
15	Ban quản lý Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu - TPHCM	23	23	0	0	0	0	0	23	23	100
16	Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương - TPHCM	10	10	0	0	0	0	0	10	10	100

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngủ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
17	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	2	2	0	0	0	0	0	2	2	100
18	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương	2	2	0	0	0	0	0	2	2	100
19	Quỹ Phát triển nhà ở	1	1	0	0	0	0	0	1	1	100
20	Phường Vườn Lài	635	628	7	12	17	0	0	599	634	99,84
21	Phường Bình Tân	1048	1047	1	0	0	0	0	1047	1046	99,81
22	Phường Phú Thọ Hòa	957	957	0	7	43	0	0	907	955	99,79
23	Phường Vĩnh Tân	360	359	1	19	22	0	1	317	359	99,72
24	Phường Long Phước	327	327	0	3	0	0	0	324	326	99,69
25	Phường Bình Tây	625	625	0	10	23	0	1	591	623	99,68
26	Lực lượng thanh niên xung phong	611	609	2	595	4	0	0	10	609	99,67
27	Phường Tân Sơn Nhất	580	575	5	0	1	0	0	574	578	99,66
28	Xã Minh Thạnh	277	277	0	11	10	0	0	256	276	99,64
29	Phường Thuận Giao	771	770	1	3	7	0	0	760	767	99,48
30	Phường Phú Mỹ	734	734	0	3	18	0	0	713	730	99,46
31	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	163	163	0	0	3	0	0	160	162	99,39
32	Phường Long Trường	307	304	3	0	0	0	0	304	305	99,35
33	Phường Tân Thành	299	297	2	0	4	0	0	293	297	99,33
34	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài gòn	149	148	1	145	0	0	0	3	148	99,33
35	Sở Văn hóa và Thể thao	1453	1410	43	0	8	0	0	1402	1443	99,31
36	Phường Tăng Nhơn Phú	1002	1002	0	6	4	1	0	991	995	99,30
37	Xã Long Hoà	241	241	0	1	0	0	0	240	239	99,17
38	Phường Tân Phú	576	576	0	5	47	0	0	524	571	99,13
39	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	341	338	3	2	3	0	0	333	338	99,12
40	Phường Phú Thọ	515	498	17	0	14	0	0	484	510	99,03
41	Phường Long Bình	515	515	0	5	10	0	1	499	510	99,03
42	Xã Kim Long	409	409	0	2	1	0	0	406	405	99,02
43	Phường Chánh Phú Hòa	297	297	0	6	9	0	0	282	294	98,99
44	Ban Quản lý phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	99	99	0	1	0	0	0	98	98	98,99
45	Xã Hồ Tràm	643	643	0	5	24	0	1	613	636	98,91

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngỉ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
46	Phường Phú Thuận	337	337	0	1	0	0	0	336	333	98,81
47	Phường Cầu Kiệu	501	497	4	1	1	1	2	492	495	98,80
48	Sở Nội vụ	533	527	6	6	17	0	1	496	526	98,69
49	Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh	76	76	0	6	3	0	0	67	75	98,68
50	Xã Hòa Hiệp	227	227	0	0	2	0	0	225	224	98,68
51	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng tàu - TPHCM	144	144	0	0	3	2	0	139	142	98,61
52	Phường Thới An	768	768	0	9	2	2	1	754	757	98,57
53	Phường Tân Sơn Nhì	607	607	0	5	23	0	0	579	598	98,52
54	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	268	264	4	169	20	0	1	74	264	98,51
55	Phường Hòa Bình	401	383	18	1	7	2	1	372	395	98,50
56	Phường Tây Nam	258	258	0	3	5	1	0	249	254	98,45
57	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	258	258	0	3	8	0	0	247	254	98,45
58	Xã Trừ Văn Thố	257	257	0	2	7	0	0	248	253	98,44
59	Phường Tân Thới Hiệp	957	957	0	5	3	0	0	949	942	98,43
60	Xã Đất Đỏ	555	555	0	7	0	0	0	548	546	98,38
61	Phường Chợ Lớn	908	908	0	9	8	0	0	891	893	98,35
62	Xã Cù Chi	1062	1062	0	15	14	0	0	1033	1044	98,31
63	Phường Đức Nhuận	504	503	1	5	1	0	1	496	495	98,21
64	Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo	52	52	0	0	0	0	0	52	51	98,08
65	Phường Nhiêu Lộc	622	622	0	11	7	0	2	602	610	98,07
66	Phường Phú Thạnh	725	725	0	14	1	0	0	710	711	98,07
67	Phường Tân Mỹ	525	525	0	13	23	0	0	489	514	97,90
68	Phường Bình Tiên	596	596	0	10	19	0	1	566	583	97,82
69	Đặc khu Côn Đảo	358	358	0	2	10	0	1	345	350	97,77
70	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	83	83	0	2	1	0	0	80	81	97,59
71	Xã Xuyên Mộc	329	329	0	4	4	0	0	321	321	97,57
72	Phường Trung Mỹ Tây	527	527	0	10	11	1	0	505	514	97,53
73	Xã Hòa Hội	438	430	8	1	13	1	6	409	427	97,49
74	Phường Tân Tạo	588	588	0	11	24	0	2	551	573	97,45
75	Xã Phước Hoà	408	408	0	1	7	1	0	399	397	97,30

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngủ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
76	Xã Tân Nhựt	774	774	0	25	108	1	0	640	753	97,29
77	Xã Bàu Lâm	256	255	1	3	5	0	1	246	249	97,27
78	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	209	207	2	4	3	0	0	200	203	97,13
79	Xã Tân An Hội	895	886	9	5	4	6	0	871	869	97,09
80	Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	442	440	2	10	4	0	1	425	429	97,06
81	Xã Thường Tân	238	238	0	7	1	0	0	230	231	97,06
82	Phường Bình Hưng Hòa	1017	1017	0	26	7	1	0	983	987	97,05
83	Phường Bình Cơ	262	262	0	6	0	0	0	256	254	96,95
84	Xã Hiệp Phước	614	614	0	11	22	0	0	581	595	96,91
85	Phường Tam Thắng	845	845	0	14	28	0	0	803	818	96,80
86	Xã Thanh An	406	406	0	0	0	0	0	406	393	96,80
87	Phường Sài Gòn	400	400	0	0	3	0	0	397	387	96,75
88	Xã Vĩnh Lộc	724	724	0	3	20	3	3	695	700	96,69
89	Phường An Lạc	1023	1023	0	20	30	0	0	973	989	96,68
90	Phường Bình Đông	788	788	0	21	5	0	0	762	761	96,57
91	Phường Bến Thành	570	570	0	1	4	0	0	565	550	96,49
92	Phường Bình Thới	577	575	2	3	16	0	0	556	555	96,19
93	Phường Hòa Lợi	365	365	0	5	4	2	0	354	351	96,16
94	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bình Dương - TPHCM	26	26	0	1	2	0	0	23	25	96,15
95	Phường An Đông	620	610	10	11	14	1	0	584	596	96,13
96	Phường Xóm Chiếu	641	624	17	3	0	0	0	621	616	96,10
97	Phường Tân Hải	277	275	2	0	0	0	0	275	266	96,03
98	Phường An Phú Đông	557	557	0	6	21	0	0	530	534	95,87
99	Xã Thạnh An	95	81	14	0	0	0	0	81	91	95,79
100	Phường Khánh Hội	371	371	0	4	15	0	0	352	355	95,69
101	Phường Phú Lâm	485	485	0	13	13	0	0	459	464	95,67
102	Phường Chợ Quán	457	457	0	16	16	0	0	425	437	95,62
103	Xã Phước Hải	456	456	0	5	23	0	0	428	436	95,61
104	Xã Hưng Long	517	517	0	2	16	0	0	499	494	95,55
105	Sở Tư pháp	350	350	0	7	2	0	2	339	334	95,43
106	Sở Tài chính	588	560	28	55	37	0	1	467	561	95,41

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngủ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
107	Xã Bình Khánh	520	520	0	19	15	1	3	482	495	95,19
108	Xã Ngãi Giao	556	555	1	0	23	0	0	532	529	95,14
109	Xã An Long	263	263	0	3	7	1	0	252	250	95,06
110	Phường An Khánh	504	504	0	16	12	0	0	476	479	95,04
111	Phường Minh Phụng	662	662	0	23	31	0	0	608	629	95,02
112	Xã Thái Mỹ	512	512	0	10	20	4	0	478	485	94,73
113	Sở Du lịch	112	112	0	0	0	0	0	112	106	94,64
114	Xã Phú Hòa Đông	850	850	0	39	32	1	0	778	803	94,47
115	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương - TPHCM	87	87	0	1	1	0	0	85	82	94,25
116	Xã An Nhơn Tây	504	504	0	19	15	5	0	465	474	94,05
117	Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh	436	436	0	4	37	0	0	395	410	94,04
118	Phường Bàn Cờ	670	641	29	9	35	0	0	597	628	93,73
119	Phường Thuận An	630	630	0	8	26	1	1	594	590	93,65
120	Xã Bình Giã	362	362	0	20	4	0	0	338	339	93,65
121	Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương - TPHCM	31	31	0	2	0	0	0	29	29	93,55
122	Xã Châu Pha	278	270	8	0	3	0	0	267	260	93,53
123	Phường Bà Rịa	694	694	0	3	22	0	0	669	649	93,52
124	Xã Phú Giáo	491	491	0	13	6	0	0	472	458	93,28
125	Phường Diên Hồng	651	638	13	35	20	1	0	582	607	93,24
126	Xã Tân Vĩnh Lộc	894	894	0	19	35	0	1	839	833	93,18
127	Viện Nghiên cứu phát triển thành phố	161	159	2	23	2	0	0	134	150	93,17
128	Phường Tam Bình	950	950	0	32	64	1	0	853	885	93,16
129	Phường An Hội Tây	449	448	1	6	10	2	0	430	418	93,10
130	Sở Y tế	44589	44338	251	2116	2284	14	60	3986 4	4149 0	93,05
131	Phường Chánh Hưng	1030	1024	6	61	5	7	0	951	957	92,91
132	Phường Bình Hòa	418	418	0	19	12	0	0	387	388	92,82
133	Phường Bảy Hiền	710	710	0	34	14	0	0	662	659	92,82
134	Phường An Nhơn	454	447	7	7	6	1	0	433	420	92,51
135	Phường Lái Thiêu	771	770	1	21	22	2	0	725	711	92,22

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngỉ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
136	Phường Long Hương	410	410	0	16	20	0	0	374	378	92,20
137	Phường Phú Định	879	879	0	50	47	1	3	778	808	91,92
138	Phường Thủ Dầu Một	968	967	1	38	9	0	0	920	889	91,84
139	Phường An Hội Đông	1094	1018	76	16	10	0	1	991	1004	91,77
140	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	236	233	3	6	12	0	0	215	216	91,53
141	Phường Thủ Đức	773	770	3	24	32	0	8	706	706	91,33
142	Phường Linh Xuân	879	879	0	53	49	0	0	777	798	90,78
143	Phường Bình Trưng	832	830	2	35	46	4	0	745	753	90,50
144	Phường Gia Định	981	981	0	58	49	0	1	873	887	90,42
145	Phường An Phú	636	635	1	16	47	1	1	570	575	90,41
146	Phường Vĩnh Hội	465	443	22	15	26	0	1	401	419	90,11
II	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐẠT TỶ LỆ ĐỒNG BỘ ĐẠT DƯỚI 90%										
1	Phường Tân Khánh	864	864	0	39	40	2	0	783	776	89,81
2	Phường Tân Hiệp	438	438	0	61	39	0	0	338	393	89,73
3	Phường Tam Long	436	436	0	25	8	1	0	402	391	89,68
4	Xã Xuân Sơn	280	280	0	6	7	2	0	265	251	89,64
5	Phường Bình Trị Đông	740	740	0	34	64	0	2	640	661	89,32
6	Phường Thới Hòa	440	440	0	25	8	0	0	407	393	89,32
7	Phường Phước Long	684	684	0	37	35	3	0	609	610	89,18
8	Xã Nghĩa Thành	312	312	0	9	29	0	3	271	277	88,78
9	Phường Bình Dương	686	686	0	20	41	6	0	619	608	88,63
10	Xã Nhà Bè	1188	1188	0	72	55	4	4	1053	1048	88,22
11	Xã Nhuận Đức	539	539	0	74	2	0	0	463	474	87,94
12	Phường Tân Hưng	926	902	24	24	31	3	0	844	807	87,15
13	Xã Bắc Tân Uyên	319	319	0	13	21	1	0	284	278	87,15
14	Phường Gò Vấp	466	459	7	2	7	0	0	450	406	87,12
15	Xã Bình Châu	284	284	0	1	33	1	0	249	247	86,97
16	Sở Công thương	813	813	0	73	42	3	3	692	704	86,59
17	Xã An Thới Đông	386	373	13	37	17	1	0	318	334	86,53
18	Phường Thạnh Mỹ Tây	625	625	0	34	68	1	0	522	537	85,92
19	Phường Tân Thuận	717	717	0	54	42	0	0	621	616	85,91
20	Phường Tân Phước	244	244	0	2	5	0	0	237	208	85,25
21	Phường Phú An	570	560	10	9	1	1	0	549	483	84,74

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngỉ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
22	Xã Châu Đức	392	392	0	2	51	0	4	335	332	84,69
23	Phường Đông Hưng Thuận	1089	1085	4	73	80	2	0	930	920	84,48
24	Phường Dĩ An	1362	1362	0	11	151	2	0	1198	1145	84,07
25	Xã Bình Lợi	414	414	0	19	38	0	0	357	344	83,09
26	Phường Phú Lợi	818	818	0	41	27	7	0	743	676	82,64
27	Phường Tân Bình	530	526	4	79	24	1	1	421	436	82,26
28	Phường Hòa Hưng	673	673	0	114	26	0	0	533	551	81,87
29	Phường Tây Thạnh	362	362	0	19	54	3	0	286	296	81,77
30	Phường Cầu Ông Lãnh	591	591	0	22	55	5	0	509	480	81,22
31	Phường Bình Phú	638	638	0	50	97	1	0	490	513	80,41
32	Phường Bến Cát	800	800	0	58	89	0	1	652	633	79,13
33	Sở Khoa học và Công nghệ	560	560	0	53	58	0	1	448	443	79,11
34	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp	208	208	0	5	3	0	0	200	164	78,85
35	Phường Tân Uyên	412	412	0	23	55	1	0	333	324	78,64
36	Xã Cần Giờ	519	519	0	138	8	2	1	370	404	77,84
37	Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh	183	183	0	60	104	0	0	19	142	77,60
38	Phường Chánh Hiệp	390	390	0	18	25	0	0	347	301	77,18
39	Phường Phước Thắng	642	642	0	3	55	4	0	580	494	76,95
40	Phường Hiệp Bình	961	961	0	110	150	0	4	697	727	75,65
41	Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư (ITPC)	93	93	0	3	0	0	0	90	70	75,27
42	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương	68	68	0	17	2	0	0	49	51	75,00
43	Phường Bình Lợi Trung	489	489	0	71	53	4	2	359	361	73,82
44	Sở Xây dựng	3536	3530	6	555	337	11	17	2610	2604	73,64
45	Sở Dân tộc và Tôn giáo	56	56	0	9	7	0	0	40	41	73,21
46	Phường Tân Đông Hiệp	699	699	0	9	167	0	0	523	505	72,25
47	Phường Thông Tây Hội	718	718	0	61	127	0	0	530	497	69,22
48	Sở Giáo dục và Đào tạo	17566	17549	17	2396	2867	65	30	12190	12130	69,05
49	Phường Tân Sơn	241	241	0	45	32	1	1	162	164	68,05
50	Xã Bình Hưng	599	599	0	80	121	1	1	396	393	65,61
51	Xã Bàu Bàng	309	309	0	7	74	1	0	227	194	62,78
52	Xã Long Hải	1075	1075	0	29	236	0	1	809	667	62,05

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã ngỉ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
53	Trung tâm Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 tại Thành phố Hồ Chí Minh	5	5	0	4	0	0	0	1	3	60,00
54	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	926	926	0	216	153	1	1	555	555	59,94
55	Xã Xuân Thới Sơn	834	834	0	149	208	2	0	475	493	59,11
56	Phường Hạnh Thông	664	664	0	94	123	9	0	438	386	58,13
57	Xã Bình Mỹ	373	373	0	65	76	3	3	226	213	57,10
58	Xã Hóc Môn	916	916	0	191	228	5	3	489	501	54,69
59	Ban quản lý dự án chuyên ngành Giao thông và Dân dụng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	213	213	0	38	28	0	0	147	108	50,70
60	Xã Dầu Tiếng	482	482	0	30	103	0	1	348	241	50,00
61	Phường Cát Lái	570	570	0	186	107	2	2	273	281	49,30
62	Phường Bình Thạnh	114	114	0	35	27	0	0	52	54	47,37
63	Xã Bà Điểm	1054	1054	0	292	321	0	0	441	455	43,17
64	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3247	3247	0	588	407	68	1	2183	1308	40,28
65	Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh	1004	1000	4	416	102	3	0	479	404	40,24
66	Phường Phú Nhuận	525	525	0	205	115	1	2	202	206	39,24
67	Phường Vũng Tàu	1100	1089	11	97	146	14	0	832	416	37,82
68	Phường Long Nguyên	321	321	0	10	71	16	0	223	118	36,76
69	Phường Tân Sơn Hòa	362	361	1	112	88	2	0	159	118	32,60
70	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố - TPHCM	56	56	0	21	18	0	0	17	18	32,14
71	Xã Long Điền	432	432	0	0	42	3	0	387	134	31,02
72	Phường Tân Hòa	583	583	0	248	194	0	0	141	140	24,01
73	Xã Long Sơn	190	190	0	0	59	1	0	130	43	22,63
74	Phường Bình Quới	246	246	0	142	47	0	0	57	55	22,36
75	Phường Rạch Dừa	808	808	0	47	237	2	0	522	153	18,94
76	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	613	613	0	429	38	16	0	129	112	18,27
77	Xã Đông Thạnh	909	909	0	402	349	0	0	158	164	18,04
78	Trường Đại học Sài Gòn	867	867	0	833	3	1	0	30	28	3,23
79	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	35	35	0	3	9	2	0	21	1	2,86

S T T	Tên đơn vị	Tình hình hồ sơ			Thông kê tình hình cập nhật tự khai					Số hồ sơ Đã đồng bộ lên CSD LQG	Tỷ lệ (%)
		Tổng hồ sơ	Số hồ sơ đang hoạt động	Số hồ sơ đã nghỉ việc	Số hồ sơ Chưa tự khai	Số hồ sơ Đang cập nhật	Số hồ sơ Chưa xác nhận/Chờ xác nhận	Số hồ sơ Từ chối	Số hồ sơ Xác nhận		
80	Trường Đại học Thủ Dầu Một - TPHCM	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0,00